TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2024/QĐST-KDTM	*Hạ Long, ngày 25 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 50 Luật Thương mại; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2024, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 18/2024/TLST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty cổ phần T1; địa chỉ: tổ I, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trọng T, chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trịnh Lê H, là Kế toán Công ty; nơi thường trú: tổ H, khu C, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; (Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 12/2024/UQ-VC ngày 02/4/2024).

* Bị đơn: Công ty cổ phần X; địa chỉ: tổ D, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phùng Quang L, chức danh: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: chị Trịnh Thị H1, sinh năm 1984; nơi cư trú:

tổ B, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; (Giấy ủy quyền ngày 04/6/2024 của người đại diện theo pháp luật ông Phùng Quang L).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Theo Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm số 52/2019/HĐ/VC ngày 30/7/2019 và Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm số 40/2022/HĐ/VC ngày 20/6/2022, giữa Công ty cổ phần T1 với Công ty cổ phần X, thì Công ty cổ phần X còn nợ Công ty cổ phần T1 tổng số tiền là 434.072.000 (bốn trăm ba mươi tư triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

2.2 Về phương án và thời hạn trả nợ:

Công ty cổ phần X phải trả cho Công ty cổ phần T1 số tiền: 434.072.000 (bốn trăm ba mươi tư triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn) đồng, được chia làm 08 kỳ (mỗi kỳ tương ứng là 01 tháng) và trả vào ngày 05 của từng kỳ, cụ thể như sau:

Trong 08 kỳ (kể từ tháng 7 năm 2024 đến tháng 02 năm 2025): 07 kỳ đầu (từ tháng 7 năm 2024 đến tháng 01 năm 2025), mỗi kỳ Công ty cổ phần X phải trả cho Công ty cổ phần T1 số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; Kỳ cuối cùng (tháng 02 năm 2025), Công ty cổ phần X phải trả cho Công ty cổ phần T1 số tiền là 84.072.000 (tám mươi tư triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả tiền nếu Công ty cổ phần X vi phạm nghĩa vụ trả tiền với bất kỳ K trả tiền nào, thì sẽ bị coi là đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả tiền. Công ty cổ phần T1 có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền mà Công ty cổ phần X còn nợ Công ty cổ phần T1

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần T1 phải chịu 5.340.720 (năm triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm hai mươi) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.681.000 (mười triệu, sáu trăm tám mươi mốt nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số 0000680 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại cho Công ty cổ phần T1 5.340.280 (năm triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, hai trăm tám mươi) đồng.

Công ty cổ phần X phải chịu 5.340.720 (năm triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm hai mươi) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hạ Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An